

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 54

Phẩm 5: NÓI VỀ TÙY MIÊN (PHẦN 10)

Như thế đã nói về tùy miên và triền. Đức Thế Tôn nói là lậu bặc lưu v.v... vì là chỉ ngần ấy, hay là còn có pháp nào khác? Tụng rằng:

Do sai khác của kết

Lại nói có năm thứ.

Luận nói: Tức nghĩa các phiền não như kết, phược, tùy miên, triền, tùy phiền não, vì có riêng biệt.

Lại, nói năm thứ. Vả lại, thế nào là kết? Tụng rằng:

Chín kết có vật thủ...

Lập hai kết kiến, thủ

Do hai chỉ bất thiện

Và vì tự tại khởi

Trong triền, chỉ tật, san

Kiến lập làm hai kết

Hoặc vì hai số hạng

Vì nghèo kém, khốn khổ

Vì rõ khắp tùy hoặc

Vì hai bộ não loạn.

Luận nói: Kết có chín thứ:

1. Kết ái.
2. Kết giận dữ.
3. Kết mạn.
4. Kết vô minh.
5. Kết kiến.
6. Kết thủ.
7. Kết nghi.
8. Kết ganh ty.

9. Kết keo kiệt.

Do chín thứ này đối với cảnh, đối với chúng sinh, có công năng ràng buộc, nên gọi là Kết. Như Khế kinh nói: Bí-sô phải biết! Không phải mắt trói buộc sắc, không phải sắc trói buộc mắt. Sự trói buộc, nghĩa là tất cả dục tham trong đây.

Lại, Khế kinh nói: Các loại người ngu, phàm phu không có học rộng, vì kết phược nên sinh, vì kết phược nên tử. Vì do kết, phược, nên từ thế gian này đi qua thế gian kia. Hoặc vì có kết, phược này, nên đã khiến cho các hữu tình hợp, rất nhiều đau khổ, nên gọi là Kết. Các khổ này vì ở chỗ đủ yên ổn, nên kết ái trong đây, nghĩa là tham của ba cõi. Tham này căn cứ ở đối tượng nương tựa và sở duyên.

Nói tham. Nghĩa là có tâm sở vui, Hành thọ thuộc về tưởng vừa ý, tức đối với các hữu và các hữu cụ, sanh khởi ưa đắm gọi là tham.

Vì sao tham này gọi là ái?

Vì tâm nhiễm này đã tùy theo cảnh vui. Giận dữ, là đối với tưởng trái và trong hành thọ thuộc về dục ly biệt, khiến tâm ghét, trái.

Mạn: là bầy mạn, như trước đã giải thích.

Nói kết vô minh. Nghĩa là không nhận biết của ba cõi. Không nhận biết này căn cứ vào đối tượng nương tựa, không phải sở duyên vì các pháp vô lậu không rơi vào cõi, nên vô minh cũng dùng cõi đó làm sở duyên. Sự phân biệt rộng này, như trong duyên khởi nói. Kết kiến, kết thủ đều có tướng tìm kiếm, suy luận bất chánh, biểu thị riêng tướng đó, rộng như trong năm kiến. Đối với biên chấp kiến đã phân biệt ở trước, kiến chấp làm ngã trong hành hữu lậu, chấp đoạn, chấp thường, được gọi là biên chấp kiến, trong đó, dứt kiến được gọi là gì?

Nghĩa là chấp sau khi chết, hành không nối tiếp nhau sinh, há không là chấp này tức tà kiến bác bỏ hữu sau? Mặc dù có lời vấn nạn này, nhưng hiện nhận thấy thế gian có hành tướng đồng mà thể sai khác, như từ và ái, thể khác, mà hành đồng.

Hạnh đồng mà thể sai khác là sao?

Như khởi gia hạnh dục, làm lợi ích cho người. Nếu thuộc về tâm nhiễm thì từ ái mà khởi, nếu từ Từ mà khởi, thì thuộc về tâm không nhiễm, đây là hành đồng mà thể sai khác.

Như thế, đối với hành, kiến không nối tiếp sinh, từ phương tiện tà sinh, đây thuộc về đoạn kiến, lìa phương tiện mà khởi, đây thuộc tà kiến, cũng là hành đồng mà thể sai khác.

Đoạn thường kiến này do đâu mà sinh?

Vả lại, đoạn kiến sinh, hoặc do tầm tứ, vì nhận thấy các pháp

hành đều có cùng tận, nên đối với lý duyên khởi, vì không biết rõ, hoặc do sức định, đối với hữu tình khác, thừa nhận có phiền não. Hữu tình kia sau qua đời, không thấy ở giữa sinh hai hữu nối tiếp, nên túc trụ tùy niệm trí có trở ngại. Do như thế v.v... sinh ra chấp đoạn. Nếu sinh chấp thường, hoặc do tâm tứ, vì nhận thấy hành tướng tự nối tiếp nhau chuyển, nên có khả năng nhớ lại việc đã qua lúc trước, thọ trì luận thường kiến của ngoại đạo. Hoặc do sức định, tùy niệm túc trụ về việc đã trải qua, như có tụng rằng:

*Do quán thấy từ sinh Hoặc
nhớ nghĩ đời trước Vì
thiếu sót chánh đạo Tiên
ngoại, ngã kiến tăng.*

Trong đây, ba kiến gọi là kết kiến. Kiến, giới cấm thủ, gọi là kết thủ.

Vì căn cứ vào lý như thế, nên có thuyết nói: Vả lại, có pháp tương ưng kiến bị kết ái trói buộc, không phải kết kiến trói buộc, chẳng phải không có tùy miên tùy tăng kiến?

Đáp: Có.

Thế nào là tập trí đã sinh diệt trí chưa sinh?

Pháp tương ưng hai thủ, là đối tượng dứt của kiến diệt, đạo.

Kết ái của bộ mình bị sở duyên trói buộc, chứ không phải kết kiến trói buộc. Vì kết kiến của biến hành đã được dứt trừ hẳn, nên tương ưng, sở duyên của kết kiến bộ mình, vì cả hai đều cùng không có, nên chẳng phải không có tùy miên tùy tăng kiến, vì tùy miên kiến của hai thủ đối với tùy tăng kia.

Vì sao ba kiến lập riêng kết kiến? Hai thủ lập riêng làm kết thủ?

Vì vật thủ v.v... của hai thủ ba kiến, nghĩa là ba kiến kia có mười tám vật, vì hai thủ cũng như thế, nên gọi là vật v.v...

Nói vật v.v... này, đối với nghĩa có ích gì?

Vì kiến có ích ở trong nghĩa kết.

Lời nói này ngụ ý nói như tham, giận v.v... mỗi thứ, riêng một mình có công năng thành một việc kết. Ba kiến, hai thủ đều có mười tám vật, hòa hợp, đều trở thành một việc kết. Nếu khác với đây, thì lẽ ra phải nói năm kiến đều làm một kết, vì như tham v.v... nên kiến và thủ đều có mười tám vật, lập chung một kết, mới chống đối với tham v.v...

Nếu như vậy, thì thân kiến, biên kiến, kiến thủ đều có mười tám vật, giới thủ, tà kiến đều có mười tám. Há không phải vật v.v...? Không

đúng, vốn giải thích lý quyết định. Vì sao? Vì thủ v.v... nên đối tượng nhận lấy (sở thủ) ba kiến v.v... chủ thể nhận lấy (năng thủ) hai thủ v.v... vì sở thủ, năng thủ có sai khác, nghĩa là đối với các hành, chấp ngã, đoạn, thường. Hoặc bác bỏ là không có, về sau, khởi hai thủ chấp kiến là thứ nhất. Hoặc chấp là tịnh, không lẫn lộn, nên cách giải thích của Luận này là tốt.

Có thuyết nói: Vì do vật và tiếng v.v....

Có thuyết nói: Tham chấp hữu và của cải thì kết kiến tăng thượng, tác dụng trói buộc tham kia. Nếu có tham chấp vui Niết-bàn, thì kết thủ sẽ có tác dụng tăng thượng trói buộc tham kia.

Kết nghi, nghĩa là do dự đối với bốn đế. Sự do dự này khác với tuệ vì có thể của pháp riêng. Do dự về bốn đế, có nghĩa là đối với khổ đế, ôm lòng do dự chẳng biết: là khổ hay không phải khổ, cho đến do dự đối với đạo cũng như thế. Bốn nghi trước có công năng dẫn khởi chánh quyết định, bốn nghi sau, có công năng dẫn sinh tà quyết định. Chuyển tà do dự từ trong sự ngoài, vì chẳng phải mê đế, nên không gọi là nghi. Người đã thấy đế rồi, nổi hoài nghi kia cũng chưa diệt. Vì phân biệt nghĩa kia, nên nói: Do dự về đế. Khiến cho tâm không vui mừng, gọi là tật (ganh ty). Tánh ganh ty này khác với giận vì có tự thể của pháp riêng.

Có người giải thích: Sự ganh ty không chịu được sự vinh hiển của người khác, nghĩa là người này đối với sự hưng thịnh của người khác, chỉ tìm đủ mọi cách, nhằm phá hoại người khác làm trước. Khiến tâm nóng nảy, bồn chồn, nên gọi không vui mừng, là vì quả đẳng lưu của tùy miên giận, chuyên tâm vì muốn gây tổn hại người khác, chính vì tùy theo ưu căn mà hiện hành, nên chỉ lệ thuộc cõi Dục, không phải cõi Sắc, Vô sắc. Các xứ cõi Dục đều chung hiện, thành, chỉ trừ châu phía Bắc thành mà không hiện hành. Khiến tâm chấp mắc bủn xỉn, gọi là san (keo kiệt), nghĩa là chớ để vật này lia bỏ ta, vì làm cho tâm chấp chặt, nên gọi là keo kiệt. Tham đắm tài, pháp là trên hết, không muốn rời khỏi mình nên gọi là keo kiệt. Đây là tánh dục tham đẳng lưu vì chuyên tâm bảo hộ của cải v.v... cho mình, nên chỉ lệ thuộc cõi Dục, không phải cõi Sắc, Vô sắc.

Vì sao hai thứ ganh ty, keo kiệt trong triền, được lập làm kết, chứ không phải triền khác?

Nếu lập tám triền thì phải giải thích như vậy: Vì hai nghĩa: Chỉ bất thiện và tự tại khởi. Nghĩa là chỉ thứ này có đầy đủ hai nghĩa, sáu triền kia không có một thứ đủ được hai nghĩa. Tức là: Không hổ, không thẹn,

dù chỉ bất thiện, nhưng không phải tự tại khởi. Hối (sự ăn năn) tự tại khởi, không phải chỉ bất thiện, hai nghĩa còn lại đều không có.

Nếu lập mười triền, thì lẽ ra giải thích như vậy: Chỉ hai lỗi lầm ganh tỵ, keo kiệt rất nặng, nên trong mười triền lập hai làm kết. Vì hai thứ này thường hiện hành, nghĩa là sinh cõi Dục dù có chín, sáu, ba kết, không có kết, mà kinh chỉ nói hai kết ganh tỵ, keo kiệt, gây não loạn người, trời, vì hai thứ trong cõi vượt hơn thường vận hành. Lại, hai thứ này là nhân của sự nghèo kém, nghĩa là sinh trong hai cõi thiện, mà vì bị ách khổ nghèo kém trầm trọng. Hiện thấy kẻ thấp kém, và thiếu thốn mọi của cải, cho đến người rất thân cũng không kính yêu. Lại, hai biến hành, làm sáng tỏ khắp tùy miên não, nghĩa là tùy miên não, gồm có hai thứ:

1. Lo lắng đều hiện hành.
2. Vui mừng đều hiện hành.

Sự ganh tỵ, keo kiệt, được biểu hiện rõ khắp hai tướng như thế. Lại, hai thứ này làm xúc não hai bộ, nghĩa là chúng tại gia ở trong vị của cải, do ganh tỵ và keo kiệt làm cho rất não loạn. Nếu chúng xuất gia ở trong giáo hành, do tánh ganh tỵ và keo kiệt, thật là não loạn, hoặc hay xúc não trời, chúng A-tố-lạc, nghĩa là do vị, sắc mà đôi bên cực lực não hại lẫn nhau. Hoặc hai thứ này hay gây phiền não cho hai chúng người trời. Như Đức Thế Tôn bảo Kiều-thi-ca: Do kết ganh tỵ, keo kiệt, gây não loạn người trời, hoặc thứ này làm xúc não chúng của mình, người nghĩa là vì tánh ganh tỵ, nên não loạn bạn bè của người. Do mang trong tâm tánh keo kiệt, gây não loạn bạn mình, nên trong mười triền, lập hai thứ này làm kết.

Ở chỗ khác, Đức Phật căn cứ ở môn sai khác, tức dùng tiếng kết để nói có năm thứ. Tụng rằng:

*Lại, năm thuận phần dưới
Do hai không qua Dục
Do ba lại cõi dưới.
Thâu môn căn nên ba.
Hoặc không muốn phát hướng
Mê đạo và nghi đạo
Làm chướng đường giải thoát
Nên chỉ nói dứt ba.*

Luận nói: Những gì là năm? Đó là hữu thân kiến, giới cấm thủ, nghi, dục tham và giận dữ.

Năm thứ như thế, đối với pháp phần dưới, vì làm cho thuận ích,

nên gọi phần dưới. Tuy nhiên, pháp phần dưới lược có hai thứ:

1. Cõi dưới nghĩa là cõi Dục

2. Hữu tình dưới, nghĩa là các phàm phu, mặc dù được pháp Thánh, nhưng không có khả năng vượt qua giới phần dưới. Nghĩa là do vì ràng buộc do hai kết dục tham, giận dữ. Mặc dù đã lìa dục tham, nhưng không có khả năng vượt qua. Hữu tình dưới, vì bị thân kiến, giới thủ, nghi, kết ràng buộc. Các hữu tình cư trú trong ngục cõi Dục, ham dục và sân như ngục tối, do họ ngăn dứt không được vượt ngục, ba thân kiến v.v... như người lính đi tuần canh giữ. Nếu có phương tiện, vượt khỏi ngục cõi Dục, ba người kia bắt trở lại trong ngục, nên thuận với kết phần dưới, do đó, chỉ có năm. Người đã thấy đế, do dục tham, giận, không vượt qua cõi dưới, về nghĩa đó có thể như thế. Chỉ tham, giận này chỉ là trói buộc cõi Dục, người lìa dục tham, Kiến đạo đoạn tất cả, đều khiến không vượt qua hữu tình phần dưới. Vì sao Đức Thế Tôn chỉ nói ba thứ?

Mặc dù có sự vấn nạn này, nhưng Phật, Đức Thế Tôn đã lược thấu nhiếp căn môn, lại nói ba thứ. Nói môn thấu nhiếp, nghĩa là loại hoặc do Kiến đạo đoạn, gồm có ba: Vì chỉ một đi suốt qua hai, suốt qua bốn bộ, nên nói hai thứ này, nhằm thấu nhiếp loại của ba môn kia, vì biểu thị ba môn đó.

Nói thấu nhiếp căn, nghĩa là ba thứ như thân kiến v.v... Ba căn khác này do biên chấp kiến, kiến thủ, tà kiến, như thứ lớp đó, tùy theo hữu thân kiến, giới cấm thủ, nghi, ba thứ căn vượt trội mà được chuyển nên nói, ba thứ này vì thấu nhiếp ba căn kia, nên thuận với kết phần dưới, chỉ có năm thứ này.

Nếu chỉ năm thứ này, gọi là thuận với kết phần dưới, vì sao Đức Thế Tôn lại quả trưởng lão Đại mẫu: Vì sao người ngu si vâng giữ như thế mà chỉ lập có ngần ấy gọi là kết phần dưới”?

Người ngu kia chỉ lập năm thứ kết như thế, ngay khi đang hiện hành, gọi là kết phần dưới. Ý Đức Thế Tôn lập ra không hiện hành, cũng vẫn thuận với phần dưới. Thế nên quả người kia, nhằm chỉ rõ thân kiến v.v... Nếu hiện hành, không hiện hành, chỉ khi chưa dứt, đều thuận với kết phần dưới.

Vì căn cứ vào lý như thế, nên Đức Phật trách người ngu kia rằng: Nếu như vậy, thì ông đồng với trẻ con, với sự hiểu biết một cách tầm thường, nông cạn, của ngoại đạo cho đến nói rộng.

Nếu đã dứt, thì sẽ mất đi thuận với tánh kết phần dưới ư?

Thuận với tướng phần kết dưới, dù đoạn, không mất, nhưng nếu bị dứt, thì mất tên kết kia, nếu khi đã dứt, không gọi kết tức là, ba kết trước

đã dứt rồi mất tên kết. Khế kinh không nên nói như thế này: Đoạn năm kết phần dưới, được thành quả Bất hoàn, vì quả Bất hoàn, nói chung có hai:

1. Chứng theo thứ lớp.
2. Siêu việt thành dứt hai, dứt ba.

Như thứ lớp đắc quả. Vì không nhất định, nên nói là năm, không có lỗi.

Căn cứ chấp nhận có thuyết nói: Vì có thể dứt năm kết, nên các người đã chứng đắc Dự lưu, sáu phiền não đã dứt, vì sao nói là dứt ba kết ư?

Cách giải thích này cũng như ở trước thâm nhiếp môn, căn, dù chỉ có một thông suốt với hai bộ, tức đơn cử sự tương tự kia, nhằm làm sáng tỏ thể kia.

Do đó, nên nói là thâm nhiếp ba môn kia.

Hoặc có sự khác giải thích thế này: Hưởng đến khác với phương, có ba chương:

1. Không muốn phát, nghĩa là vì đã thấy lỗi lầm, công đức của phương khác này, nên tâm thôi dứt không đi qua.

2. Mê chánh đạo, nghĩa là dù phát ra hưởng đến, nhưng lại nương theo đường tà, nên không đến được phương kia.

3. Nghi chánh đạo, nghĩa là không thuộc đường, đều thấy có hai con đường mà người ta thường đi. Ấy là tâm hoài nghi, do dự: Không biết con đường này đối với hưởng kia là phải hay không.

Như thế, nên biết, người hưởng đến giải thoát, cũng có ba chương ngại tương tự như thế. Nghĩa là do thân kiến đối với Niết-bàn uẩn, kiến chấp ngã dứt lỗi lầm, công đức, nên đối với giải thoát, không muốn phát hưởng. Do giới cấm thủ dù mong cầu giải thoát, nhưng mê con đường chánh, nương tựa đạo thế gian, luống trải qua cay đắng, không đến được Niết-bàn. Do nghi không có khả năng khéo tự quán sát, thấy các tà đạo có nhiều người tu, bèn ôm lòng do dự đối với chánh đạo, đối với hưởng đến giải thoát là đúng hay sai?

Đức Phật chỉ rõ Dự lưu dứt hẳn như thế. Vì chương ngại hưởng đến giải thoát, nên nói dứt ba. Dù nhận thấy hành thường, nhưng cũng không hưởng đến giải thoát. Thấy đạo của thế tục vượt hơn, cũng mê mất chánh đạo, người bác bỏ không có Thánh đạo, cũng không tin chánh đạo, mà ba thứ trước là ba căn sau, ba căn sau, thì tùy theo chuyển ba thứ trước, nên nêu gốc thâm nhiếp ngọn, chỉ nói là ba thứ trước. Đức Phật ở kinh khác, như thuận với phần dưới, nói thuận với phần trên,

cũng có năm thứ. Tụng rằng:

*Thuận phần trên cũng năm
Hai tham Sắc, Vô sắc
Trạo cử, mạn, vô minh
Khiến không vượt cõi trên.*

Luận nói: Thế của năm thứ như thế có tám vật. Ba thứ như trạo cử v.v... cũng vì cõi riêng, chỉ Tu đạo đoạn, gọi thuận phần trên. Phải dứt đối tượng của kiến, kết kia mới hiện hành, nên hoặc đối tượng dứt của kiến, lúc chưa dứt hẳn, cũng có công năng giúp cho kết kia khiến thuận phần dưới, nên phải dứt hẳn, hoặc của Kiến đạo đoạn mới hiện hành, nghĩa là gọi thuận với phần trên. Trong đây, đã nói tham của Sắc, Vô sắc và nói thuận với trên, tức biết trạo cử v.v... cũng Sắc, Vô sắc, chứ không phải lệ thuộc cõi Dục.

Phẩm Loại Túc Luận đã nói thế này: Pháp kết là thế nào? Nghĩa là chín kết. Không phải pháp kết là sao? Pháp khác trừ chín kết, do đó chứng thành một thứ trạo cử. Phần ít là kết nghĩa là lệ thuộc hai cõi. Phần ít không phải kết nghĩa là lệ thuộc cõi Dục, đối với phần ít là kết nghĩa là bậc Thánh, đối với phần ít không phải kết, nghĩa là phàm phu. Có vị là kết, nghĩa là đã lia dục tham, có vị không phải kết, nghĩa là chưa lia dục tham.

Do những sai khác như thế v.v... không nhất định, nên Phẩm Loại Túc Luận không nói là kết. Vì trạo cử, nhiều nẻo Tam-ma-địa, nên đối với thuận phần trên, kiến lập làm kết, tức do lý này thuận với trong phần trên, không nói là hôn trầm, vì thuận với đẳng trì.

Đã nói về kết rồi, còn phược thế nào? Tụng rằng:

Phược ba, do ba thọ.

Luận nói: Vì do công năng ràng buộc, nên đặt tên phược, là nghĩa có thể ngăn cản hưởng đến việc lia nhiễm. Hai tướng kết, phược dù không có sai khác, nhưng căn cứ ở Bản Mẫu nói phược có ba:

1. Phược tham.
2. Phược giận.
3. Phược si.

Các kết khác vì phẩm loại đồng, nên xếp vào ba, nghĩa là năm kiến nghi, đồng với phẩm loại si. Hai kết mạn, keo kiệt, đồng với phẩm loại tham. Vì kết ganh tỵ đồng với giận, nên đều thấu nhiếp ba. Lại, vì biểu thị người đã thấy đế, chỗ khác phải làm, nên nói là ba phược. Phược chung thân sáu thức, gởi ở ngục sinh tử.

Lại, Đức Phật riêng vì người giác tuệ kém, nhằm chỉ rõ phiền não

tướng thô, nên chỉ nói ba phước.

Có sư khác nói: Do tùy theo thế lực của ba thọ dẫn dắt nói phước có ba, nghĩa là phần nhiều tham đối với lạc thọ của mình. Sở duyên, tương ứng hai thứ tùy tăng: phần ít cũng đối với bất khổ, bất lạc, đối với khổ của mình, người khác và lạc, xả của người, chỉ có một thứ tùy tăng của sở duyên. Giận cũng phần nhiều đối với tự khổ thọ. Tùy tăng của hai thứ sở duyên, tương ứng, phần ít cũng đối với không khổ, không vui. Đối với niềm vui của mình, người và khổ, xả của người, chỉ có một thứ tùy tăng sở duyên, si cũng phần nhiều đối với xả thọ của mình, hai thứ tùy tăng của sở duyên, tương ứng, phần ít cũng đối với lạc thọ, khổ thọ. Đối với tất cả thọ của người, chỉ tùy tăng sở duyên. Thế nên, Đức Thế Tôn căn cứ ở lý phần nhiều nói tùy theo ba thọ, kiến lập ba phước. Tại các loại tham v.v... ngăn cản hưởng lia nhiễm, gọi là phước? Nghĩa là chỉ hiện hành. Nếu khác với đây thì đều thành ba, tức rất ráo ngăn cản hưởng lia nhiễm.

Nếu vậy, các hữu không phải đáng Nhất thiết trí muốn vì hữu tình nói về đối trị, làm sao dùng phương tiện được biết như thật hành tướng riêng như tham v.v... của hữu tình được hóa độ mà vì thuyết môn đối trị như thật?

Sao không thể biết hành tướng khác nhau của tham v.v... như các hành tham, có tướng như là. Nghĩa là phần nhiều nói, luận trên sắc mặt, tươi vui, như mỉm cười trước khi nói, phần nhiều là ái ngữ. Lìa phần nộ, năng nhẫn, thông minh tuệ, khéo léo ham đàm thoại, ưa ngâm thơ, yêu đắm múa hát, vui mừng do trang phục, nghiêm sức thân tốt đủ. Ham tiếp đãi bạn bè, thường xuyên tắm gội. Tánh nặng nề dâm dật vội vã, hân hoan, cười nhiều, dung mạo mềm mại, tâm xót thương vật. Ghi nói đức, xấu xí, bủn xỉn, yếu đuối, theo đuổi uỷ mị, vui biết nhiều bạn, chán trái vắng lặng. Tánh không có trầm mặc, không xem xét việc đã làm, khinh thường người có bi ai, phần nhiều không có nghĩa ngữ. Da mềm mại, béo, dung mạo trang nghiêm, khéo vì thù oán, tổn hại, ưa vui, ghét khổ. Khinh thường sự giao tiếp, hành vi bạc bẽo, thể ô nhiễm nhiều, thân hôi, hình yếu ớt, móng, răng, râu, tóc thắm tươi, mặt xinh đẹp dễ nhìn, tóc bạc sớm. Đối với tánh chú thuật sáng suốt, khéo léo, ưa tồn tại công sức. Hở hỏ nói tông hữu, thường ưa phước mừng vui, ưa đứng ở đầu trong chúng, thích tập hợp, xem xét sáng suốt. Mừng tự ngoài nhìn đến gần tìm thưởng thức. Cung kính thí cho nhìn ái, đưa mắt nhìn xem nông cạn, thông suốt căn cơ riêng của thế tục, giác nhiều, giận ít.

Không có khả năng chế phục lâu bốn oai nghi của thân, mà xem

thường có thể từ bỏ ham muốn của bạn, pháp, lại nhân đây tìm cầu sinh ra hối tiếc. Trí nghe thuật khéo, muốn tập nhanh chóng thành. Vừa được thành rồi, lập tức lại quên mất.

Những thứ trên đây, gọi là tướng của hành tham. Các hành giận có tướng như thế, đó là tánh nóng nảy vội vã hung bạo, nguy hiểm, ôm ấp nhiều giận hờn, khó ở chung, ưa chê trách người khác, nhiều lo buồn, không có lòng từ, ưa tranh chấp. Mắt thường xế xuống, trông mắt lừng, ít ngủ, ít nói năng, trầm tư, khó vui mừng, gìn giữ đối tượng thọ nhận. Bạn bè bên, việc làm gấp rút, vội vã, thông minh tuệ trầm mặc khó hủy hoại, biết ơn. Cương quyết siêng năng, dũng cảm, không có lòng xót thương, ưa độc đoán. Chí mạnh mẽ, nhớ nghĩ kiên cường, nhanh nhẹn, khó cự đương, tánh ưa quán sát nhiều, thích xuất ly, ưa thí cho rằng căn tánh nhạy bén, nhiều lời nói ngay thẳng. Ý hoài bảo khó được, là xử sự thấy lỗi, sự tiếp xúc, tình nghi, ganh ghét, thân hình tàn tạ, nhiều bệnh xúc não, ít biết bạn lợi ích, kết oán, dung sắc, thê thảm với niềm tin vững chắc, ít kinh hải, không có sợ sệt, rất dũng cảm, thường buồn rầu. Đầu, cổ, cánh tay thô, khó có thể chiết phục, mạnh mẽ, ngang bướng, có sức mạnh, thuật khéo, trí nghe, dục tập dễ thành. Đã được thành rồi, rốt cục, khó quên mất, của, pháp bạn, dục, xả rồi, không đuổi theo.

Những thứ trên đây gọi là tướng của hành giận. Các hành si, nghĩa là có tướng như là: Phần nhiều do dự, ưa nói không có căn cứ. Dù không có khả năng làm mà thường cao hứng, không kính trọng, thiếu niềm tin, ưa bóng tối, nhiều hôn trầm, không ưa xem xét, quán sát chế phục, ngủ khó thức, phần nhiều ưa kính trọng, thờ phụng sự ngoại đạo, yêu tà, đã tạo ra sự hung dữ, tà trái. Thắng giải kém thua, phần nhiều quên mất. Trẻ nải, lưỡi biếng, không có cố gắng, tâm mờ tối, phá hoại pháp, kiêu hãnh, thường, mừng, nhắm mắt. Việc làm không rõ, nhãn mặt, nhú mày, không thông minh, không nhờ nhau, không tin nhau, không động cơ riêng. Oán ghét, ganh tỵ người hiền lương, mà vì chuyên chấp. Đối với thiện, ác nói là không xem xét là sai quấy. Hung ác như diện mạo sư tử, rốt cuộc khó thông hiểu. Không có khả năng phân biệt rõ trong chỗ oán, thân. Râu, tóc, lông, móng nhiều, dài cứng, nhọn bén. Mắt, miệng, y phục như bản đáng chán. Không ưa tràng hoa, vật dụng trang sức, tạo tác mê muội, khinh suất việc làm. Ăn nhiều, lo buồn nhiều, ít hổ, ít thẹn. Không ai bảo, cũng làm, khiến làm, không làm, nên sợ thì tình yên, nên yên lại sợ, nên thương lại vui, nên vui lại thương, nên cười lại khóc, nên khóc, lại cười, trong việc đáng làm khó khuyên tu hành, việc không đáng làm khó bảo thôi dứt. Phước đức ít, phiền não suy

yếu, không có khả năng phân biệt biết vị chua, lạt v.v... Ngủ nhiều, nói năng, nhổ nước dãi, nghiêng răng, ưa liếm, môi, răng, nhơ, khít. Có khả năng an trụ lâu bốn oai nghi của thân.

Những thứ này gọi là tướng của hành si.

Các hành mạn có tướng như là, tâm cao, thân nhỏ thấp, thể thật cứng chắc, ưa vật tham dự. Đối với người đáng tôn sùng, không chịu kính trọng. Khoe khoang đức mình, ưa chê bai năng lực người khác. Không thể dẫn dắt kiên trì, có thể thọ nhận. Không ưa lắng nghe lời răn dạy của thầy, bạn. Đối với sở hữu của người khác, phần nhiều không tin thuận. Tham cung kính chạy theo danh, chau mày chịu khổ. Ít có bạn thân, khuông khép, tác phong yếu đuối, tâm rộng, chí lớn quyết đoán mạnh mẽ ít, ôm lòng sâu cảm, phần nhiều ưa xuất gia, ngôn luận biết lượng, việc làm không vội vã, biết đủ dục lớn, đủ biện tài hay, không đua nịnh, không mềm mỏng, khó có thể chuyển biến trở lại. Có thắng giải lớn, không thể khuất phục, phát ngôn ngay thẳng, không cong vạy thuận tình.

Những thứ này gọi là tướng của hành mạn.

Các hành kiến: Có tướng như là: Chấp vững chắc, căn cơ chậm lụt, đua nịnh, cong vạy, ưa ghét, mừng phước nhẹ nhàng, phát ngôn, ưa bàn luận, thích tư duy, lựa chọn, khó khuất phục, mạnh mẽ tập tưng.

Hễ có tạo tác không tùy theo duyên người khác, khó được ý hoài bảo khó khiến sinh vui mừng, ít nhàm chán, xả, vì thiếu chánh tín, ưa ăn chay, giữ giới.

Chán quả báo tai họa, may mắn: Gần gũi bạn xấu ác, xa bạn lành, tánh không biết xót thương, ôm ấp ngạo mạn thông tuệ. Ngắm nhìn rối loạn, đáng đáp thù mị thê thảm, dung mạo có nhiều vẻ xấu ác, nằm mộng phần nhiều phân biệt nổi vui mừng, ôm ấp sự ngờ vực làm trở ngại, tâm thường bị nhiễu loạn, ham vui việc ác đã làm, tánh ưa tầm tư, ưa thí cho rằng ít lo buồn, bảo thủ khư khư, khó nhàm chán, kiến hành cùng chung với nhau.

Thuật lại chung các tướng riêng như thế, mỗi tướng như lý, nên tư duy:

Về hành tướng các hoài nghi. Có tướng như thế: Phần nhiều không gặp phải những lỗi lầm thấy khắp. Lòng mừng rỡ, buồn rầu, chí tánh cương quyết, không có tốt lành, lưỡi biếng, ưa vướng mắc ngủ nghỉ, ưa chuyện nói năng không nhất định, không có chuyên nhất, thường cảm thấy hối tiếc, khó được ý hoài bảo, ít nói năng, xa tìm kiếm, mưu lợi riêng có khả năng chịu đựng, thường làm mưu lược, ít có, hân hoan, vui

vẻ, không vội vã, không sáng suốt, không biết phương tiện. Giao du với bạn, dễ tan rã, khó vui mừng, quên ơn, xem nhìn bị động, trông mắt thấp, thường không tin thuận. Sự tập trí biện luận, không cứu xét căn nguyên, xem xét tỉ mỉ cành nhánh, trạng thái như đều khắp, bất cứ có làm việc gì, phần nhiều đều không thành công.

Những thứ trên đây, được gọi là tướng của hành nghi.

Nếu đối với sáu thứ tướng như thế, có đủ hai, ba cho đến đều đủ. Nên biết loại này được gọi là hành xen lẫn, nghĩa là các hành của tùy phiền não khác, đó là tướng. Vì đẳng lưu của sáu tướng này, cho nên căn cứ ở đây mà giải thích.

Đã phân biệt phược, tùy miên thì thế nào? Tụng nói:

Tùy miên trước đã nói.

Luận nói: Tùy miên có sáu, hoặc bảy, hoặc mười, hoặc chín mươi tám, như trước đã nói.

Tùy miên đã nói rồi. Thế nào là tùy phiền não? Tụng rằng:

Tùy phiền não còn lại

Hành uẩn, tâm sở nhiễm.

Luận nói: Vì công năng làm nhiều loạn, nên gọi là phiền não. Tùy chuyển các phiền não được tùy theo tên phiền não. Có sư xưa nói: Nếu pháp không đầy đủ tướng phiền não, gọi là tùy phiền não, như mặt trăng không đầy, được tùy theo tên mặt trăng. Tuy nhiên, các tùy miên gọi là phiền não, tức tùy miên này cũng được gọi là tùy phiền não. Vì phẩm viên mãn phiền não này, do đó, nên nói tức là các phiền não có nghĩa kết, phược, tùy miên, tùy miên não, triền. Hành uẩn của tâm sở nhiễm ô khác, tùy phiền não khởi vì tùy theo tâm xúc não, nên được gọi là tùy phiền não. Không được gọi phiền não, vì thiếu tướng phiền não viên mãn.

Nếu như vậy, tâm sở tư v.v... nhiễm ô, tất cả là thuộc về tùy phiền não?

Về lý, thật sự phải như thế?

Nếu vậy, vì sao lại nói riêng hành uẩn? Chớ cho như thọ, tưởng, tư v.v... cũng nên thuộc về tùy phiền não.

Tùy phiền não này và phiền não kia khác nhau thế nào?

Chẳng phải không có nghĩa riêng biệt, nghĩa là phiền não, tương ứng phiền não, đồng pháp uẩn. Do hai nghĩa giống nhau, được gọi là tùy miên phiền não.

Nói tâm sở nhiễm là biểu thị tư v.v... nhiễm, được gọi là tùy phiền não. Do phiền não tương ứng, nói hành uẩn. Vì phân biệt thọ v.v... phải

là phiền não đồng uẩn, gọi tùy phiền não.

Do đó, Luận này nói như thế này: Trừ các phiền não, tâm sở nhiễm khác thuộc về hành uẩn, gọi là tùy phiền não. Hoặc nếu có pháp từ phiền não khởi, thì sẽ thuộc về hành uẩn tương ứng với phiền não, rất gần gũi với phiền não, mới có thể kiến đặt tên là tùy phiền não, nhưng gồm ngăn dứt trung tùy phiền não.

Có Luận sư khác hiểu lầm thế này: Sự keo kiệt tức là ái trầm (hôn trầm), tức vô minh, phần tức là giận v.v... Nói “khác” ở đây là biểu thị tùy phiền não đều là nghĩa khác của trầm ái này. Có nghĩa “có ở đây”, vẫn còn sinh nghi, nghĩa là nói khác đây lẽ ra cũng phải gồm nhiếp. Vì ngăn dứt thọ uẩn kia, nên nói nói Hành uẩn. Nếu không đúng, thì chỉ nên nói tâm sở nhiễm khác này, và Luận này không nên nói là thuộc về hành uẩn? Vì quyết định không có uẩn nào khác được thâm nhiếp từ phiền não khởi, nên ở đây nói hành uẩn để trở lại chỉ rõ nghĩa này.

Do đó, nếu pháp phải có ba nghĩa tương tự với các phiền não, thì sẽ được gọi tùy phiền não:

1. Phiền não cấu.
2. Phiền não tương ứng.
3. Phiền não đồng uẩn

Nên ở đây, ta nhận thấy rõ trong tụng có nghĩa như thế, nghĩa là phiền não này, cũng gọi là tùy phiền não. Và khác với đây, hành uẩn của tâm sở nhiễm. Khác với đây nghĩa là biểu thị nghĩa lệ thuộc lẫn nhau. Ý chứng tỏ nếu khác, là đối tượng khởi này, mới có thể kiến đặt tên tùy phiền não, nhưng gồm ngăn dứt sự keo kiệt tức ái v.v...

Nếu vậy, vì sao nói hành uẩn? Vì nghĩa nói khác đây đã thành. Không đúng, thì ngăn dứt lạm quá, nói hành uẩn, nghĩa là tham, giận, si như thứ lớp đã khởi lạc, khổ xả nhiễm. Vì chấp nhận quá khác này, nên nói hành uẩn để trở lại biểu thị không có uẩn khác gồm nhiếp phiền não cấu ấy.

Nếu không đúng, thì chỉ nói khác này, và dùng lời nói nào để ngăn dứt sự lạm quá đã nói ở trước, nên phải nói thuộc về hành uẩn.

Danh từ tên tùy phiền não là gọi bao nhiêu pháp?

Vì kinh có nhiều thuyết nên có rất nhiều, nghĩa là phần phát, bất nhẫn và loại khởi lời nói ác. Như Đức Thế Tôn bảo với Bà-la-môn: Có hai mươi một các tùy phiền não làm não loạn tâm, cho đến nói rộng. Sau đây sẽ lược nói.

Triền, thuộc về phiền não cấu. Vả lại, nên trước nói về tướng của triền ra sao? Tụng rằng:

*Tám triền không hổ, thẹn
Tật, san và hối miên
Cùng trạo cử, hôn trầm
Thêm phần, phú là mười
Không hổ, xan, trạo cử
Đều từ tham sinh ra
Không thẹn, miên, hôn trầm
Từ vô minh mà khởi
Tật, phần từ giận khởi
Hối từ nghi, phú tránh.*

Luận nói: Phiền não căn bản cũng gọi là triền. Kinh nói: Triền dục tham làm duyên.

Nếu khác với đây, thì tham v.v... làm sao có thể được gọi là phiền não đầy đủ?

Tuy nhiên, các Luận giả rời các tùy miên, căn cứ ở sự vượt hơn nói là triền hoặc tám, hoặc mười, nghĩa là Túc Luận Phẩm Loại nói có tám triền, Tông Tỳ-bà-sa nói có mười, tức ở tám trước, lại thêm phần, phú.

Mười thứ như thế ràng buộc vạn loài, đặt vào ngục sinh tử, nên gọi là triền. Hoặc mười thứ làm nhân khởi các hành vi ác, vì khiến câu thúc ở đường ác, nên gọi là triền. Vô tâm (Không hổ), vô quý (không thẹn), tật, san, và hối, trạo cử, hôn trầm, như trước đã nói.

Khiến tâm mờ tối, tương ứng với hôn trầm, không có khả năng giữ lấy thân, đây là tướng. Miên (ngủ) mặc dù cũng có hôn (tối), nhưng không tương ứng.

Đây chỉ nói về triền, nên thuyết như thế. Ở đây nói tắt về ba tướng của miên. Vì ba tướng này thuận với nghĩa miên.

Người giải nghĩa chữ giải thích: Miên, nghĩa là ở thân có công năng làm thấm nhuần, tức là có sức nuôi lớn thân. Vì tâm yên, thì thân ngủ tăng ích.

Thiện v.v... này, lược riêng có bốn thứ, nghĩa là thiện, bất thiện, hữu phú, vô phú. Các sư Du già từ lâu đã khéo tư duy, lựa chọn. Các người tụng tập đã làm việc khổ nhọc trong thời gian dài. Thí chủ lắm lúc đã thực hành việc làm lợi ích cho người khác. Trong vị nghỉ ngơi gia hạnh này, đã dẫn đến ngủ nghỉ, đều gọi là thiện. Nhưng ở gia hạnh tâm thiện Văn, Tư, miên không hiện hành, vì tánh trái nhau. Miên này ở gia hạnh tu tạo thành, tâm cũng không hiện hành, vì chủ thể trị miên kia, chỉ đối với một loại tâm thiện sinh đặc, miên có thể hiện hành, tánh nó

yếu kém. Các người bất luật nghi: như giết mổ dê v.v... đã chuyên tâm thực hành lâu gia hạnh bất thiện. Các người ham vui dục, ở trong cảnh dục, chuyên tâm thực hành lâu gia hạnh bất thiện. Các người làm tất cả tập ác khác, thường khởi gia hạnh bất thiện. Trong vị gia hạnh nghĩ ngợi này, đã dẫn đến ngủ nghĩ, đều gọi là bất thiện. Tất cả phiền não ở trong vị ngủ, đều chấp nhận hiện ở trước.

Hữu phú vô ký căn cứ ở đây, nên giải thích:

Vô phú vô ký chỉ dị thực sinh, khởi miên công xảo, v.v..., ấy là vì hư hoại.

Có sư khác nói: Ở trong vị miên cũng có tâm khởi oai nghi công xảo, nhưng không phải ở vị đầu, miên kia có thể hiện hành tức khác. Về sau, trong mộng mới có thể hiện hành.

Vì tổn hại bản mình, làm lợi ích cho kẻ thù mà sinh giận dữ làm trước, tâm phẫn nộ gọi là phẫn.

Có sư khác nói: Nhân ở phi xứ trái nghịch mà sinh, sức có thể khiến cho tâm không chiếu cố mà chuyển, cho đến đối với con cái, khiến tâm căm giận, phát ra nói năng, gọi là phẫn. Che giấu tội mình, gọi là phú. Tội, nghĩa là đáng trách, tức là hủy phạm phép tắc Thi la và các mạng tịnh. Che giấu tức là giấu nhân của tội, dục.

Có sư khác nói: Lau quét gọi phú, nghĩa là bên trong, ôm ấp tâm ác, lau quét bên ngoài, là nghĩa muốn sao cho người khác không nhận biết.

Thuyết trước nói: Nếu pháp từ phiền não khởi, mới có thể kiến lập gọi là tùy phiền não, trong đây, pháp nào từ phiền não nào khởi?

Không hổ, san, trạo cử là tham đẳng lưu, phải là tham làm nhân gần, mới được sinh. Không thẹn, miên, hôn trầm là vô minh đẳng lưu, vì chúng với tướng vô minh rất gần gũi nhau. Tật, phẫn là sân đẳng lưu, do tật, phẫn này tương đồng với giận.

Hối là nghi đẳng lưu vì sự sinh. Phú có thuyết nói là tham đẳng lưu.

Có thuyết nói: Là vô minh đẳng lưu.

Có thuyết nói: Là câu đẳng lưu. Những người hiểu biết biết là do ái sinh những người không hiểu biết, không biết là do si sinh. Tức do tướng này nên, có thuyết nói: Tâm tham đắm ở lời khen, lợi dưỡng, cung kính, không hiểu rõ hành vi ác, đã chiêu cảm quả vị lai, đối với tội mình, che giấu nhân dục, làm hai quả đẳng lưu vô minh và ái.

Pháp tùy theo nào tâm gọi là phú.

Mười thứ như thế, từ phiền não sinh, là phiền não đẳng lưu nên gọi

là tùy phiền não. Ngoài ra tướng phiền não cấu thế nào? Tụng rằng:

Sáu phiền não cấu: Não

Hại, Hận, Siểm, Cuống, Kiêu

Cuống, kiêu từ tham sinh

Hại, hận từ giận khởi

Não từ kiến thủ khởi

Siểm sinh từ các kiến.

Luận nói: Đối với việc đáng hủy bỏ, quyết định chấp chặt, khó khăn khiến bỏ, nhân nói là não. Vì có não này, nên thế gian nói là không thể dẫn dắt. Chấp điều xấu, chấp đối với hữu tình khác, chẳng phải hoàn toàn không đoái tưởng, có dự định thâm nhận lại, làm nhân tổn não, chương ngại não tâm, gọi là hại. Đối với tướng phi ái, tùy nhớ nghĩ phân biệt sinh nối tiếp nhau. Sau phần khởi tâm kết thù oán, gọi là hận.

Có sư khác nói: Muốn bỏ kết oán không thể giải thoát. Nhân phẩm này gọi hận, do có hận ấy, nên kết oán ràng buộc tâm, tự xúc não trong thời gian dài, rộng không, không có quả. Đối với cảnh đáng yêu, khiến không thuận theo, đối với việc cố gắng, khiến tâm quên mất. Đối với các người có ơn, khiến không thể báo đáp, khiến đối với việc vui mừng, tựa như có nỗi lo buồn, khiến cho đối với bạn bè không tin, ỷ thác nhau, khiến cho đối với bà con thân thuộc, ôm lòng từ bỏ. Khiến trên gương mặt dễ phát ra sắc buồn thảm, đối với lời mềm mỏng, bàn bạc tốt đẹp, chúc mừng, an ủi, làm cho tâm buồn bã, đều chẳng ai quan tâm. Sự không đạt được, gắng chỉ rõ có niềm hân hoan, vui vẻ, là chỗ xa lìa của các bậc hiền lương, có thể làm kẻ xấu ác, làm hủy hoại ruộng phước thật.

Những thứ trên đây là tất cả pháp của hận. Hận với tướng phần có sai khác, nghĩa là như lửa vỏ cây hoa, tướng chúng mạnh mẽ, mà thế lực khác yếu, được gọi là phần, như mùa đông, hơi nóng trong nhà, tướng chúng nhẹ nhỏ, mà thế khác mạnh, gọi là hận. Do đó, nên có thuyết nói về tướng hận: Phần dứt rồi, nối tiếp sinh, khiến tâm vẫn đục gọi là hận. Đối với sự tình mình, dùng phương tiện che giấu, giả vờ, dùng mưu lược khuyên dụ nhận lấy tình người khác. Sự cong vạy của tâm, trái với thật trí, gọi là Siểm (dua nịnh). Đối với tham danh lợi v.v... vì tham làm trước, nên muốn cho người khác mê hoặc, thị hiện nhân bất chánh, tâm hiểm độc trái với chánh định gọi là Cuống (lừa dối).

Giải thích về danh từ này, nghĩa là so lường trước, nhằm lập ra phương tiện này, khiến cho hữu tình kia thời gian sau, sinh hiểu biết

điên đảo, nên gọi là lừa dối. Tuy nhiên, thế gian nói vì lợi, vì danh, nên biểu hiện tướng, mê hoặc người khác, gọi là kẻ lừa dối. Nói lừa dối là các việc do hai nghiệp Thân, ngữ dẫn dắt, là quả lừa dối nên giả đặt tên lừa dối, như dùng tên chung để nói sự quả chung. Tướng của tâm nham hiểm, và tâm cong vạy có sai khác, nghĩa là như con đường, như chiếc gậy đối với người, với mình, vì nhân tham, nhân kiến, nên có sai khác, nghĩa là như con đường nguy hiểm, đối với các hữu tình muốn hưởng đến một phương khác, có thể bị trở ngại, tổn hại.

Cũng thế, hành giả muốn hưởng đến Niết-bàn, tâm và sự lừa dối, đều cùng có khả năng làm tổn hại, trở ngại, như cây bị bẻ cong, mặc dù đã cắt đứt rễ của nó, nhưng ở trong rừng rậm khó kéo ra ngoài.

Cũng thế, kẻ thiếu đức tin có tâm cong vạy, dua nịnh, mặc dù đã dùng phương tiện dứt trừ căn cội Dục, nhưng vẫn khó dẫn dắt cho ra khỏi sinh tử. Lại, bày trò huyền hoặc người khác, gọi là Cuống. Giấu giếm sự tình của mình, gọi là Siểm.

Lại, cuống với siểm, như thứ lớp là tham, các kiến đẳng lưu (như ở sau sẽ nói).

Về tướng Kiêu, như ở trước đã phân biệt rộng.

Có sư khác nói: Từ tham sinh ra, cậy mình tuổi trẻ, không có bệnh hoạn, với các việc hưng thịnh, sống lâu v.v... tâm kiêu căng, ngạo mạn, gọi là kiêu.

Có sư khác nói: Đối với các hành hưng thịnh, nối tiếp nhau của mình, đắm nhiễm làm trước, không nghĩ đến người khác, cho mình là hơn, tâm tự đề cao, ý thị, gọi là kiêu. Do không màng đến người khác nên với mạn có khác nhau. Sáu thứ như thế, từ phiền não sinh, tướng ô uế thô, gọi là phiền não cấu. Trong sáu thứ phiền não như vậy, cuống, kiêu là tham đẳng lưu, hại, hận là sân đẳng lưu, não là kiến thủ đẳng lưu, siểm là các kiến đẳng lưu. Như nói sự cong vạy nào? Nghĩa là các ác kiến, siểm nhất định là các kiến đẳng lưu.

Vì sáu cấu này cũng từ phiền não sinh, nên như triền cũng được gọi là tùy phiền não.

Đã nói các triền và phiền não cấu. Nay, kế nên nói về đoạn đối trị. Trong các triền, cấu ở vị nào đoạn và đối tượng dứt là pháp nào? Tụng rằng:

*Triền vô tâm, quý, miên
Hôn, trạo, kiến, tu đoạn
Khác và phiền não như
Vị tự tại chỉ tu.*

Luận nói: Vả lại, không hổ, không thẹn trong mười triều, có ở tất cả tâm bất thiện đều cùng có, miên trong cõi Dục, chung cho tất cả ý thức đều khởi.

Hôn trầm, trạo cử chung cho tất cả, tâm nhiễm ô đều cùng có, nên năm triều đều chung cho kiến, Tu đạo đoạn. Tật, san, hối, phẫn, phú và cấu, vì tự tại khởi, nên chỉ do Tu đạo đoạn, chỉ với sức người khác của Tu đạo đoạn, vì cùng chung vô minh, nên gọi là tự tại khởi. Với tự tại khởi tương ứng với triều cấu, tất cả vô minh chỉ do Tu đạo đoạn.

Các triều cấu chung cho pháp nào, tánh gì? Tụng rằng:

Dục ba, hai ác khác Cõi trên đều vô ký.

Luận nói: Ba miên, hôn, trạo, đối tượng lệ thuộc cõi Dục, đều chung hai tánh bất thiện, vô ký. Tất cả triều khác, đều chỉ bất thiện, tức bảy triều, sáu cấu trói buộc cõi Dục.

Tùy theo chỗ thích ứng hiện có trong hai cõi trên, tất cả chỉ thuộc về tánh vô ký, tức siểm, cuống, kiêu, hôn trầm, trạo cử. Các triều cấu này lệ thuộc pháp nào? Cõi nào? Tụng rằng:

Siểm cuống, sơ định dục Ba, ba cõi Dục khác.

Luận nói: Siểm, cuống chỉ ở sơ định nơi cõi Dục. Sao biết Phạm Thế có siểm, cuống? Do Đại Phạm Vương đã che giấu sự tình của mình, biểu hiện tướng mê hoặc lừa dối Bí-sô Mã Thắng. Nghe nói: Siểm, cuống này chỉ do phạm phu khởi không phải các bậc Thánh, cũng có thể hiện ở trước.

Ba triều hôn, trạo cử, kiêu, lệ thuộc chung ở ba cõi, tất cả triều còn lại, đều chỉ cõi Dục, nghĩa là năm trong mười sáu triều, như trước đã nói, mười một triều còn lại, chỉ trói buộc ở cõi Dục.

